

Báo cáo của Ban Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 09 tháng 7 năm 2009



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Đỗ Khắc Thanh*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Năm 2009

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 3.820.5944 – 3.820.5947; Fax: 3.820.5942

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban giám đốc</b>	03 – 04
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	05
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm 2009	11 – 25

2009  
CÔNG  
TÍNH  
H VU  
HÌNH  
KIẾ  
PHÍA  
TP.

2-ATD  
C  
TRÁCH  
DỊCH  
AI CH  
VÀ F  
PH  
/ TI

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước thuộc Tổng công ty Đầu Tư Xây Dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình, thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình dân dụng công nghiệp. Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập tổng dự toán và dự toán các công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán, kinh doanh bất động sản.

Sản xuất, mua bán nước sạch, sản xuất mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành xây dựng, cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty), khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm.

Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp, khai thác chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty).

Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước, đào tạo nghề, giám sát thi công xây dựng công trình cấp - thoát nước, dân dụng và công nghiệp, xây dựng và hoàn thiện.

**Vốn điều lệ của Công ty là: 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng).**

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông Trần Văn Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Văn Tiêu	Thành viên
Ông Nguyễn Tất Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Bôn	Thành viên

### **Các thành viên của Ban giám đốc bao gồm:**

Ông Trần Văn Thành	Tổng giám đốc
Ông Đặng Văn Tiêu	Phó tổng giám đốc
Ông Phạm Châu Sơn	Phó tổng giám đốc
Ông Bùi Huy Hạnh	Phó tổng giám đốc

89-C  
TY  
QUA  
U VAN  
KE TO  
TOAN  
NAM  
O C

06  
BT  
KHU  
TU  
KE  
TC  
AI  
5

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Đức Bôn

Kế toán trưởng

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tú

Trưởng ban kiểm soát

Ông Huỳnh Bá Đức

Thành viên

Ông Phạm Phước Thịnh

Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2010



Số: ~~45A~~/BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính năm 2009**của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)*Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO).  
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO).

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập ngày 04 tháng 05 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng giám đốc

**Đỗ Khắc Thanh**  
Chứng chỉ KTV Đ 0064/KTV

Kiểm toán viên

**Đinh Thế Đường**  
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>239.337.605.160</b>	<b>197.990.743.697</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>2.284.254.834</b>	<b>3.005.034.552</b>
1. Tiền	111		2.284.254.834	3.005.034.552
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>5.037.570.300</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.037.570.300
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>172.486.384.580</b>	<b>139.868.288.135</b>
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	104.271.734.648	62.098.880.365
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	63.042.332.635	68.284.361.233
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	5.172.317.297	9.485.046.537
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>48.544.050.558</b>	<b>36.571.808.946</b>
1. Hàng tồn kho	141		48.544.050.558	36.571.808.946
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>16.022.915.188</b>	<b>13.508.041.764</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	1.954.381.277	2.709.553.678
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	-	11.478.700
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	14.068.533.911	10.787.009.386
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>431.157.657.830</b>	<b>409.640.316.889</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>387.420.689.282</b>	<b>367.847.698.081</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>122.049.272.781</b>	<b>127.811.542.667</b>
- Nguyên giá	222		149.667.818.088	147.196.950.230
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.618.545.307)	(19.385.407.563)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>	<b>2.877.000.000</b>	<b>3.003.000.000</b>
- Nguyên giá	228		3.150.000.000	3.150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(273.000.000)	(147.000.000)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>262.494.416.501</b>	<b>237.033.155.414</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>43.361.296.215</b>	<b>41.416.946.475</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	9.1	40.850.000.000	40.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.2	2.511.296.215	566.946.475
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>375.672.333</b>	<b>375.672.333</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		375.672.333	375.672.333
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>670.495.262.990</b>	<b>607.631.060.586</b>

2009  
 CÔNG TY  
 NHẬN  
 TƯ TƯ  
 HÌNH KẾ  
 KIỂM T  
 HÓA NA  
 TP. H

1028  
 CÔNG  
 NH  
 CH VỤ  
 CHÍNH  
 KIỂM  
 PHIA  
 TP. H

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>513.129.272.948</b>	<b>473.397.885.230</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>195.106.912.310</b>	<b>167.841.677.935</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	45.881.929.041	34.225.331.628
2. Phải trả người bán	312	10.2	47.425.709.699	49.337.021.479
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	35.843.564.545	42.728.908.169
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	9.872.170.665	6.204.739.587
5. Phải trả người lao động	315	10.5	2.334.612.243	1.585.891.159
6. Chi phí phải trả	316	10.6	32.105.512.357	11.809.421.905
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.7	21.643.413.760	21.950.364.008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>318.022.360.638</b>	<b>305.556.207.295</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	11.1	138.801.092.181	144.564.532.478
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.2	114.646.584.050	102.581.748.900
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.3	64.260.520.912	58.248.041.917
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.4	314.163.495	161.884.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>157.365.990.042</b>	<b>134.233.175.356</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>156.598.903.864</b>	<b>134.219.267.108</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	111.614.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	7.879.582.017
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.052.865.000	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		736.270.000	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.170.440.717	14.725.405.091
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>13</b>	<b>767.086.179</b>	<b>13.908.248</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		753.177.931	
2. Nguồn kinh phí	432		13.908.248	13.908.248
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>670.495.262.990</b>	<b>607.631.060.586</b>



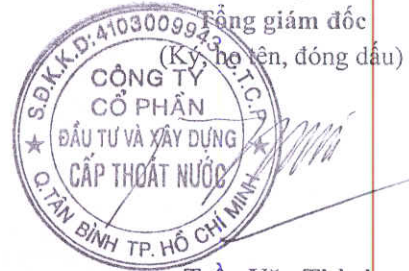
## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia		3.559.077.504	3.559.077.504
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký		2.723.112.456	2.723.112.456
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		2,087.72	2,080.75
- EUR		25.88	106.41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Dân

Nguyễn Đức Bôn

Trần Văn Thành



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	363.214.629.968	259.150.290.698
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	363.214.629.968	259.150.290.698
4. Giá vốn hàng bán	11	16	313.085.664.911	226.869.031.864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		50.128.965.057	32.281.258.834
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.355.395.357	3.510.899.976
7. Chi phí tài chính	22	18	4.408.811.922	4.252.736.833
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.408.811.922	4.252.736.833
8. Chi phí bán hàng	24		2.359.941.253	1.119.422.857
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.370.091.790	11.846.827.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		29.345.515.449	18.573.171.833
11. Thu nhập khác	31		1.824.418.975	2.294.019.163
12. Chi phí khác	32		629.813.324	1.674.529.493
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.194.605.651	619.489.670
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.540.121.100	19.192.661.503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	5.394.980.474	4.651.254.153
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.145.140.626	14.541.407.351
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.095	1.194

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Dân

Nguyễn Đức Bôn

Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2010

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thành

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

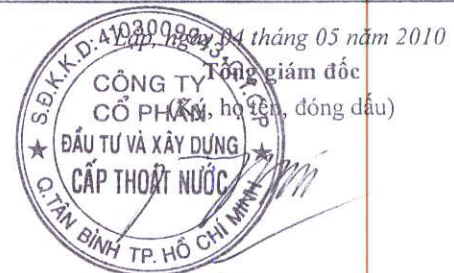
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	285.747.879.353	157.713.819.732
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(110.619.415.386)	(82.988.298.359)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(53.568.004.404)	(39.119.613.252)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.663.716.049)	(803.057.545)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.478.592.837)	(3.211.922.441)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	62.311.531.658	35.813.589.294
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(133.572.961.605)	(125.987.726.514)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>43.156.720.730</b>	<b>(58.583.209.085)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.857.774.914)	(7.647.355.870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.661.000	664.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.037.570.300	74.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(200.000.000)	(200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.304.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	226.062.885	1.862.231.573
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.792.480.729)</b>	<b>29.319.540.203</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	27.551.909.911	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	64.766.528.346	64.867.637.014
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.449.129.976)	(36.218.835.157)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.954.328.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(37.085.019.719)</b>	<b>28.648.801.857</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(720.779.718)</b>	<b>(614.867.025)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.005.034.552</b>	<b>3.619.901.577</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>2.284.254.834</b>	<b>3.005.034.552</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Dân

Nguyễn Đức Bôn

Trần Văn Thành

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước thuộc Tổng công ty Đầu Tư Xây Dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty là : 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng)**

1. **Lĩnh vực kinh doanh:** Đầu tư, Xây dựng, Dịch vụ.

2. **Ngành nghề kinh doanh:**

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình, thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình dân dụng công nghiệp. Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập tổng dự toán và dự toán các công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán, kinh doanh bất động sản.

Sản xuất, mua bán nước sạch, sản xuất mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành xây dựng, cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty), khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm.

Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp, khai thác chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty).

Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước, đào tạo nghề, giám sát thi công xây dựng công trình cấp- thoát nước, dân dụng và công nghiệp, xây dựng và hoàn thiện.

### **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1. **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III Chế độ kế toán áp dụng:**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### **IV Các chính sách kế toán áp dụng:**

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

**2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

**2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Không phát sinh.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

**6. Hợp đồng thuê tài chính:** Không phát sinh.

**7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Không phát sinh.

**8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:**  
Không phát sinh

**8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**8.3.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.3.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:** không phát sinh

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:**

**9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:**

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

**10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## 10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

## 10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## 11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

### 11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

### 11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

## 12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

## 13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: không phát sinh

## 14. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh**

**16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh**

**17. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**17.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:**

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**17.2 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**17.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

**18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

008  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY  
DỰNG  
CẤP THOÁT  
NƯỚC  
TP. HỒ

10205  
CÔNG  
SỐNH  
CH VỤ T  
CHÍNH K  
KIỂM T  
PHÍA N  
TP. HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

### **18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

C.T.N.  
HẠN  
AN  
TOÀN  
AN  
CHI

C.T.N.  
HẠN  
AN  
TOÀN  
AN  
CHI



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
1.1- Tiền mặt (VND)	791.394.832	215.525.160
1.2- Tiền gửi ngân hàng	1.492.860.002	2.789.509.392
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - SGD II	4.256.845	82.216.049
- Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam	1.155.569.601	1.744.441.691
- Ngân hàng TM CP Quân Đội	18.663.824	522.177.233
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	2.198.618	
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN TP. Hồ Chí Minh	7.589.349	7.404.623
- Ngân hàng NN Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	5.760.756	214.180.589
- Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam (# 25.88 EUR)	697.181	2.657.590
- Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam (# 1,065.12 USD)	19.002.925	18.549.498
- Ngân hàng TM CP Quân Đội (# 1,022.60 USD)	18.244.387	17.799.525
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	55.337.492	166.921.403
- Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam	59.711.706	1.826.191
- Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	1.916.225	1.640.209
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.523.697	7.515.879
- Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam	141.387.396	2.178.912
- Ngân hàng TMCP Sacombank	1.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.284.254.834</b>	<b>3.005.034.552</b>
<b>2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>		
- Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam		5.037.570.300
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.037.570.300</b>
<b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>		
3.1- Phải thu khách hàng	104.271.734.648	62.098.880.365
3.2- Trả trước người bán	63.042.332.635	68.284.361.233
3.3- Các khoản phải thu khác	5.172.317.297	9.485.046.537
Trong đó: Phải thu tiền phạt của các cổ đông không mua đủ cổ phần		1.672.944.000
<b>Cộng</b>	<b>172.486.384.580</b>	<b>139.868.288.135</b>
<b>4. HÀNG TỒN KHO</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	384.003.853	342.214.822
- Công cụ, dụng cụ	27.310.832	28.272.607
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.822.666.557	32.106.976.647
- Thành phẩm	84.536.769	145.933.325
- Hàng hóa	1.857.614.495	3.672.130.165
- Hàng gửi bán	1.367.918.052	276.281.380
<b>Cộng</b>	<b>48.544.050.558</b>	<b>36.571.808.946</b>
<b>5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>		
5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.954.381.277	2.709.553.678
5.2- Thuế GTGT được khấu trừ		11.478.700
5.3- Thuế và các khoản thu của Nhà nước		
5.4- Tài sản ngắn hạn khác	14.068.533.911	10.787.009.386

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

* <i>Tạm ứng</i>	14.041.533.911	10.731.509.386
* <i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	27.000.000	55.500.000
- Điện lực Tân Bình - Công trình 11A1	2.500.000	
- Bưu điện cần Thơ - Công trình Cần Thơ	3.000.000	
- Bưu điện Sóc Trăng - Công trình Sóc Trăng	21.500.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.022.915.188</b>	<b>13.508.041.764</b>

### 6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH 2009

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1 Số dư đầu năm	116.400.401.345	8.153.748.010	4.841.485.537	16.390.777.738	1.410.537.600	147.196.950.230
2 Số tăng trong năm	-	880.857.070	2.791.219.573	70.813.088	-	3.742.889.731
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm		205.710.000		55.361.990		261.071.990
- Đầu tư XDCB hoàn thành		86.313.857	2.791.219.573	15.451.098		2.892.984.528
- Tăng khác		588.833.213				588.833.213
3 Số giảm trong năm	-	658.833.213	541.278.900	-	71.909.760	1.272.021.873
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		658.833.213	541.278.900		47.017.920	1.247.130.033
- Giảm khác					24.891.840	24.891.840
4 Số dư cuối năm	116.400.401.345	8.375.771.867	7.091.426.210	16.461.590.826	1.338.627.840	149.667.818.088
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>						
1 Số dư đầu năm	9.516.867.801	3.354.476.720	2.758.910.378	3.154.279.586	600.873.078	19.385.407.563
2 Số tăng trong năm	5.058.473.758	935.147.247	995.695.217	2.111.945.118	231.692.242	9.332.953.582
- Khấu hao trong năm	5.058.473.758	346.314.034	995.695.217	2.111.945.118	230.747.200	8.743.175.327
- Tăng khác		588.833.213			945.042	589.778.255
3 Số giảm trong năm	-	592.479.046	470.920.318	-	36.416.474	1.099.815.838
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		592.479.046	470.920.318		20.420.498	1.083.819.862
- Giảm khác					15.995.976	15.995.976
4 Số dư cuối năm	14.575.341.559	3.108.311.708	3.283.685.277	5.266.224.704	795.203.804	27.618.545.307
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu năm	106.883.533.544	4.799.271.290	2.082.575.159	13.236.498.152	809.664.522	127.811.542.667
2 Tại ngày cuối năm	101.825.059.786	5.267.460.159	3.807.740.933	11.195.366.122	543.424.036	122.049.272.781

### 7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH 2009

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1 Số dư đầu năm				3.150.000.000	3.150.000.000
2 Số tăng trong năm				-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm				-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN				-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

- Tăng do hợp nhất KD					-
- Tăng khác					-
<b>3 Số giảm trong năm</b>					-
Bao gồm:					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>4 Số dư cuối năm</b>	-	-	-	<b>3.150.000.000</b>	<b>3.150.000.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					-
<b>1 Số dư đầu năm</b>				<b>147.000.000</b>	<b>147.000.000</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>	-	-	-	<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>
- Khấu hao trong năm				<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>
- Tăng khác					-
<b>3 Số giảm trong năm</b>	-	-	-		-
Bao gồm:					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>4 Số dư cuối năm</b>	-	-	-	<b>273.000.000</b>	<b>273.000.000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					-
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>	-	-	-	<b>3.003.000.000</b>	<b>3.003.000.000</b>
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>	-	-	-	<b>2.877.000.000</b>	<b>2.877.000.000</b>

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>8. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG</b>		
- Chung cư cao tầng số 10 Phố Quang	252.217.233.534	218.835.553.747
<i>Trong đó:</i>		
+ Quyền sử dụng đất	179.164.703.558	179.164.703.558
+ Quyền phát triển dự án	31.016.000.000	31.016.000.000
+ Chi phí xây dựng	42.036.529.976	8.654.850.189
- Chung cư 93 Lê Lợi - Vũng Tàu	7.888.116.658	15.479.506.429
- Dự án khu phức hợp Quận 9 - Hồ Chí Minh (Tiền thuê đất)	1.835.466.300	
- Mua sắm tài sản cố định	553.600.009	2.718.095.238
<b>Cộng</b>	<b>262.494.416.501</b>	<b>237.033.155.414</b>
<b>9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>		
<b>9.1- Đầu tư vào công ty con</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Đầu tư 95% vốn điều lệ của công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi (950.000 CP)	40.850.000.000	40.850.000.000
<b>9.2- Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>2.511.296.215</b>	<b>566.946.475</b>
- Công ty CP Xây Dựng Cấp Thoát Nước 15 (Viwaseen 15) 122.000 cp	1.220.303.364	220.303.364
- Công ty CP Xây Dựng Cấp Thoát Nước 12 (Viwaseen 12) 94.000 cp	944.349.740	
- Công ty CP Khoan Và Xây Lắp Cấp Thoát Nước 34.000 cp	346.643.111	346.643.111
<b>Cộng</b>	<b>43.361.296.215</b>	<b>41.416.946.475</b>
<b>10. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>10.1- Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>45.881.929.041</b>	<b>34.225.331.628</b>
- Vay cán bộ công nhân viên	2.971.096.601	1.863.630.757
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	42.910.832.440	26.403.115.421
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (# 238,582 EUR)		5.958.585.450
<b>10.2- Phải trả người bán</b>	<b>47.425.709.699</b>	<b>49.337.021.479</b>
<b>10.3- Người mua trả tiền trước</b>	<b>35.843.564.545</b>	<b>42.728.908.169</b>
<b>10.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>9.872.170.665</b>	<b>6.204.739.587</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

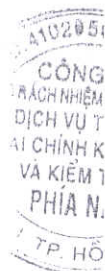
Năm 2009

- Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.113.140.267	2.380.653.574
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.580.688.530	3.546.234.490
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	215.681.402	5.077.702
- Các loại thuế khác	548.062.584	209.228.503
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	414.597.882	63.545.318
10.5- Phải trả người lao động	2.334.612.243	1.585.891.159
10.6- Chi phí phải trả (trích trước chi phí công trình)	32.105.512.357	11.809.421.905
10.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21.643.413.760	21.950.364.008
- Kinh phí công đoàn	356.667.181	285.931.270
- Bảo hiểm xã hội	26.771.353	97.884.731
- Bảo hiểm y tế	33.377.809	11.358.116
- Doanh thu chưa thực hiện	727.305.159	647.305.159
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.499.292.258	20.907.884.732
- Công ty CP Đầu Tư & XD CTN 202	170.170.129	
- Công ty CP Xây Dựng số 15	2.053.061.064	
- Công ty Cổ phần khoan & Xây Lắp cấp thoát nước	5.891.649.957	
- Đức Hòa -TAL & đào hố quan trắc ống D1800 Hóa An	4.986.954	
- Đức Hoà - Công trình lắp đặt ống đường Lê Trọng Tấn	184.244.472	
- Đức Hòa - Bể lọc 11+13 Ctrình NMN Thủ Đức	8.886.324	
- Đức Hoà - Công trình ống D800, D600 cho Q4-DA Đông Tây	1.270.500.499	
- Đức Hòa - T/ống D300 Cầu Calmette (10A)	646.643.029	
- Đức Hòa -Tuyến ống CI D1500 Tây Thạnh Cầu Tre	228.444.838	
- Đức Hòa - di dời ống D300 rạch Bến Nghé	2.733.502	
- Phan Thanh - Lắp đặt trạm bơm Hoàng Lê Kha Q.6	9.915.556	
- Phan Thanh - HTCN khu tái định cư A6+E2.An Suông	9.529.800	
- Phan Thanh - HTCN Khu C - An phú -An khánh	4.533.481	
- Châu Tuấn - T/ống D600 - DA BOO Thủ Đức	355.703.309	
- Châu Tuấn - T/ống cấp nước D250 Bình Phước	53.050.807	
- Ô.Huân -Tuyến ống nước sạch D1500 nước sông S.G	6.815.555	
- Ô.Huân - Lắp đặt HT cấp ngầm Tao đàn Nhà bè	5.214.061	
- Ô.Thiết - Tuyến ống D500 LêTrọngTấn (HLộ 13)	53.777.098	
- Ô.Thiết - CT Đài Nước KDC áp 5 phong phú	6.796.112	
- Ô.Thiết - HTCN Khu CN Việt Nam - Singapore VSIP2	122.415.448	
- Ô.Thiết - HTCN ngoài hàng rào FICO Tây Ninh	38.121.377	
- Ô.Thiết - X.mãng tây ninh 12ha - khu nhà ở CBCNV	133.815.126	
- Ô.Thiết - thi công đường dây điện cho cầu tháp	7.787.543	
- Trần Thanh Dũng gói thầu 12A-D600 Cừ Long	111.383	
- Nam Thành T/ổ cọc 18 - A7 Đ.tên lửa - Đ29-Vành đai trong	56.032.863	
- Nam Thành - Hồ nước thô XM FICOTây Ninh	53.583.323	
- Nam Thành T/ống cấp 2 - Đ.tên lửa - TL10 - đường 29	140.974.896	
- NamThành - HTTN bể dầu 1000m3 - NM XM Bình Phước	147.388.025	
- Nam Thành - T/ổ D400-600 DA BOO Thủ Đức	628.662.403	
- Nam Thành - Tuyến ống CI D1500 Tây Thạnh Cầu Tre	327.117.295	
- Nam Thành - Tái lập t/ống D250 CN cấp nước SG	55.076.343	
- Nam Thành - Công trình 11A1	396.008.130	
- Xuân Hòa HTCN Rạch Giá - HM Bể lọc	66.703.299	
- Xuân Hòa - Nhà máy nước TX Hà Tiên - Kiên Giang	56.451.140	
- Xuân Hòa - HTCN Tô Châu, TX Hà Tiên	2.504.384	
- Ô.Cước - Lắp đặt Cáp Ngầm Tao Đàn Nhà Bè	505.300	
- Ô.Cước - Công trình Tây Thạnh Cầu Tre	2.555.487	
- Ô.Cước - Công trình t/ống nước thô D2400 Hóa An Thủ Đức	114.548.811	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

- Xuân Hoà - Bể lắng, bể lọc NMN Kiên Giang	73.377.339
- Gia Quang - HTTN Khu vực cư xá 30/4 -CX2	463.385.233
- Gia Quang - Đường 29- D. Vành Đai Đ. tên lửa- A.lạc	87.530.782
- Gia Quang - Tuyến ống nước sạch sông S.Gòn	19.257.412
- Châu Sơn- Bể lắng-Ctr NMN Rạch Giá-KG	123.853.371
- Chu Hoan - An Suông - cầu Tham Lương	93.697.624
- Chu Hoan - TB & t/ống cọc K1- K87 - FICO Tây Ninh	180.954.252
- Chu Hoan - Chi phí máy	225.842.611
- Ô.Tuyến - Công trình Rạch Giá - Bể chứa nước sạch 2500m3	10.000.604
- Ô.Tuyến - HM T/ống D300- D400 cọc 1A - 4,4 - 157- RG	84.196.101
- Nam Long - HTCN khu tái định cư - An cư 3	16.705.329
- Ô.Công - Nhà thư Viện 9 tầng - Cao đẳng CN 4	297.779.820
- Ô.Công - SC Cải tạo phòng học lầu 1.2.3.4 AB CĐ CN4	118.394.533
- Ô.Sơn - T/ống nước thô K0+100 - CT Tây Ninh	11.506.835
- Ô.Kiểm - NM xử lý nước thải Sóc Trăng	92.222.474
- Công Trình MR ML Nhà máy nước Dakmil - các hạng mục	3.023.398
- Bà Hoan - Công trình Rạch Giá Kiên Giang	28.867.755
- Ô.Tĩnh - XD chính CN Rạch giá - KG T/ống D300	19.414.734
- Ô.Kỳ - T/ống NS, hồ sơ lắng, TB cấp 1 - Tây Ninh	117.799.631
- Chí thành - Lắp công nghệ tr.xử lý - X.mãng T.Ninh	61.885.582
- Thế Phúc - Tuyến ống C1 D1500 Tây Thạnh Cầu Tre	47.993.363
- Ô.Tăng - HTCN đường 760 Tân Vạn	5.447.533
- Ông Thông - Công trình Châu Phú	591.489
- Ô.Anh Tuấn - NMN KCN An Nghiệp - Sóc Trăng	60.778.909
- Viết Cường - San nền - NM X.lý N.thải Sóc Trăng	48.282.760
- Trần Minh Dũng - nhà vệ sinh chung cư Waseco	5.272.703
- Trần Minh Dũng - đường bê tông	302.287
- Trần Minh Dũng gia công lắp đặt mái thông tầng	2.030.390
- Trần Minh Dũng - cải tạo và XD mới bến ăn	2.473.451
- Tô Phan Quốc Huy C/t NM nước thải Sóc Trăng	173.731.983
- Trần Minh Dũng Thi công móng cầu tháp chung cư	14.070.520
- Tô Phan Quốc Huy- Đường công vụ-NMN thải ST	103.602.214
- Nguyễn Mạnh Hùng - TK nhà máy nước ái nghĩa	53.463.800
- Võ Hồng Sơn - Thi công CT Đường NT Tân An	49.492.160
- CT Gối đầu số 4 KV Quận 2 sửa chữa (Hà T.Vân)	6.499.983
- CT HTCN Châu Đốc - An Giang (Lâm Văn Đề)	16.062.334
- CT HTCN Cái Ngang (Đỗ Thanh Xuân)	37.143.506
- CT NM xử lý nước thải Sóc Trăng (Võ Hồng Quân)	1.473.500
- Nguyễn Bá Linh - CT Cấp nước QL 14	18.865
- Nguyễn Tiến Hùng - CT Buôn Trấp	19.952.858
- Nguyễn Tiến Hùng - CT Ea Súp	60.747.413
- Nguyễn Tiến Hùng - Sản xuất bê tông	21.557.472
- Phạm Văn Thành - Sản xuất bê tông	7.754.454
- Tô Phan Quốc Huy - CT Tây Ninh	67.475.015
- Tô Phan Quốc Huy - CT Tây Ninh sửa chữa	12.817.004
- Tô Phan Quốc Huy - CT Ximăng Bình Phước	28.334.095
- Tô Phan Quốc Huy - Đội Xây lắp 2	13.491.304
- Lưu thị Gái	1.080.667
- Lê Hùng Sơn	12.460.000
- Giáp Văn Hải	1.628.883
- Cao Thế Vinh	472.226



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

- Trần Đức Thành	1.260.000	
- Công ty mua bán nợ - Bộ Tài Chính (No 112/ Co 338)	106.302.600	
- Công ty TNHH MTV Phân Bón & Hoá Chất Dầu Khí ĐNB	164.308.115	
- Khoản phải trả thuế thu nhập - do hoàn thiếu chứng từ	195.664.192	
- Công ty CP Sonadezi - Tiền thuê đất Washin	841.493.281	
- Công ty Công Nghệ Tiên Phong (Đặt cọc thuê VP)	339.857.687	
- Công ty Liên doanh TB Viễn Thông - Đặt cọc	60.944.090	
- Trần Thị Cảnh (đặt cọc thuê mặt bằng căn tin)	7.000.000	
- Công ty CP Kỹ Thuật Thủy Sản - Ký quỹ thuê VP	40.429.368	
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	144.376.369	
- Chi phí phải trả	277.960.649	
- Công ty CP Tin Học Siêu Tinh - đặt cọc thuê VP	155.543.602	
- Văn Phòng Đại Diện Công ty PT INDOGROW INTL SERS	42.394.230	
- Công ty TNHH MTV Phần Mềm Tiên Phong	20.739.147	
- Công ty CPCN Thiên Vận	39.343.131	
- Công ty CP Bất Động Sản Dầu Khí	49.343.418	
- Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	260.689.920	
- Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toà Cầu	223.524.193	
- Công ty CP Thanh Toán Trực Tuyến Mùa Xuân	82.034.614	
- Chi phí HDQT, Ban kiểm soát	308.844.336	
- Công ty CPCN TĐ Tân Tiến (đặt cọc thuê VP)	42.088.800	
- Bảo hiểm thất nghiệp	41.678.559	
- Công ty CP Gỗ Đá Việt (đặt cọc thuê VP)	26.384.000	
- Chi phí phải trả khác	12.411.480	
- Nguyễn Thị Vinh	650.000.000	
- Quỹ nghỉ mát CB CNV	10.468.000	
- Đỗ Thanh Xuân	17.984.506	
- Công đoàn Chi nhánh ĐakLak	5.117.337	
- Nguyễn Quang Vi	2.888.950	
- Đặng Công Khôi	5.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>195.106.912.310</b>	<b>167.841.677.935</b>
<b>11. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>11.1- Phải trả dài hạn nội bộ (Tổng công ty Viwaseen)</b>	<b>138.801.092.181</b>	<b>144.564.532.478</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phần bảo toàn vốn Nhà nước	3.641.887.493	3.641.887.493
- Tiền đền bù xây dựng trụ sở công ty Waseco	925.175.440	925.175.440
- Tiền vay tổng công ty Viwaseen	18.785.553.558	23.056.747.480
- Phí quản lý công ty		1.492.246.375
- Lãi vay phải trả tổng công ty Viwaseen	2.303.765.132	2.303.765.132
- Giá trị quyền sử dụng đất số 10 Phố Quang	113.144.710.558	113.144.710.558
<b>11.2- Phải trả dài hạn khác</b>	<b>114.646.584.050</b>	<b>102.581.748.900</b>
- Công ty Đông Dương (Indochina Group) góp vốn XD chung cư	104.963.612.900	95.971.090.000
- Công ty TNHH Kiến Trúc Thiết Kế Arcurata (tiền đặt cọc thuê văn phòng)	6.500.000.000	6.500.000.000
- Cục thuế Đồng nai (Tiền thuê đất Công ty Liên doanh Ông Thép Sài Gòn - SPC)	3.072.312.250	
- Ký quỹ, ký cược của Công ty Cổ Phần Tư Vấn Cấp Thoát Nước Môi Trường	110.658.900	110.658.900
<b>11.3- Vay và nợ dài hạn</b>	<b>64.260.520.912</b>	<b>58.248.041.917</b>
- Ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - SGD II	53.248.041.917	58.248.041.917
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Quận 9	11.012.478.994	
<b>11.4- Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>	<b>314.163.495</b>	<b>161.884.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>318.022.360.638</b>	<b>305.556.207.295</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	111.614.280.000	7.879.582.017				119.493.862.017
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					14.541.407.351	14.541.407.351
Tăng khác					183.997.740	183.997.740
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm trước	111.614.280.000	7.879.582.017	-	-	14.725.405.091	134.219.267.108
Số dư đầu năm nay	8.385.720.000	1.759.746.130	1.052.865.000			11.198.331.130
Tăng vốn trong năm nay					25.145.140.626	25.145.140.626
Lãi trong năm nay						-
Tăng khác				736.270.000		736.270.000
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Giảm khác(*)					14.700.105.000	14.700.105.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>9.639.328.147</b>	<b>1.052.865.000</b>	<b>736.270.000</b>	<b>25.170.440.717</b>	<b>156.598.903.864</b>

Ghi chú: (\*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Chi trả cổ tức năm 2008	14.700.105.000
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	11.974.700.000
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	936.270.000
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	736.270.000
	1.052.865.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỉ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	60%	72.000.000.000	72.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	40%	48.000.000.000	39.614.280.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>111.614.280.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.614.280.000	111.614.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm	8.385.720.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	111.614.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.954.328.000	

**d) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

**đ) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	11.161.428

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	11.161.428
+ Cổ phiếu ưu đãi		
<b>- Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	12.000.000	11.161.428
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	11.161.428
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.052.865.000	
- Quỹ dự phòng tài chính	736.270.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.789.135.000</b>	<b>-</b>
<b>13. NGUỒN KINH PHÍ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		13.908.248
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	753.177.931	
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	13.908.248	13.908.248
<b>Cộng</b>	<b>767.086.179</b>	<b>13.908.248</b>
<b>14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	102.144.689.573	51.184.739.071
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.643.524.481	41.094.711.215
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	197.426.415.914	166.870.840.412
<b>Cộng</b>	<b>363.214.629.968</b>	<b>259.150.290.698</b>
<b>15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	102.144.689.573	51.184.739.071
- Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ	63.643.524.481	41.094.711.215
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	197.426.415.914	166.870.840.412
<b>Cộng</b>	<b>363.214.629.968</b>	<b>259.150.290.698</b>
<b>16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	96.768.860.099	48.263.758.426
- Giá vốn của xây dựng	181.139.270.392	154.424.079.024
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.177.534.420	24.181.194.414
<b>Cộng</b>	<b>313.085.664.911</b>	<b>226.869.031.864</b>
<b>17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.877.709.987	3.134.320.109
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	477.685.370	376.579.867
<b>Cộng</b>	<b>2.355.395.357</b>	<b>3.510.899.976</b>
<b>18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	3.778.377.600	3.470.187.873
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	630.434.322	782.548.960
<b>Cộng</b>	<b>4.408.811.922</b>	<b>4.252.736.833</b>

D. 410200  
 CÔNG TRÁCH NHIỆM  
 DỊCH VỤ  
 TÀI CHÍNH  
 VÀ KIỂM  
 PHÍA  
 T. TR. H



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

### 19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	5.394.980.474	4.651.254.153
<b>Cộng</b>	5.394.980.474	4.651.254.153

### 20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí chung
- Chi phí máy thi công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	Năm nay	Năm trước
	119.565.896.866	93.444.439.587
	19.251.769.010	14.601.397.589
	56.574.478.651	13.950.832.379
	6.363.326.643	5.768.806.961
	7.414.028.209	5.678.244.673
	10.868.378.915	13.688.602.054
	157.879.883.850	100.818.300.742
<b>Cộng</b>	377.917.762.144	247.950.623.985

### 21. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
	813.757.371	727.647.710
<b>Cộng</b>	813.757.371	727.647.710

### 22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

Chỉ tiêu

- a. Tổng lợi nhuận trước thuế
  - a.1 Các khoản điều chỉnh tăng
  - a.2 Các khoản điều chỉnh giảm
- b. Tổng thu nhập chịu thuế
- c. Thuế TNDN phải nộp
- d. Thuế TNDN được miễn giảm
- e. Thuế TNDN phải nộp sau miễn giảm
- f. Lợi nhuận sau thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
	30.540.121.100	19.192.661.503
	288.338.746	782.548.960
	30.828.459.846	19.975.210.463
	7.707.114.962	5.593.058.930
	2.312.134.489	941.804.777
	5.394.980.474	4.651.254.153
	25.145.140.626	14.541.407.351

### 23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu năm trên báo cáo tài chính là số dư cuối năm 2008 trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)


Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Dân

Nguyễn Đức Bôn

Lập ngày 04 tháng 05 năm 2010

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thành